

Bản án số: 101/2019/HSST
Ngày: 30/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2019/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Văn T (tên gọi khác: không); sinh ngày 03 tháng 2 năm 1996 tại huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 7, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Cao Văn K, sinh năm 1962; Con bà: Cao Thị H, sinh năm 1968; Vợ: Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1997, con: 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2019 đến ngày 15/5/2019 được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

Anh Cao Hữu T1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Xóm 7, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Cao Thị Ng, sinh 1992

Nơi cư trú: Xóm 15, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

2. Anh Cao Đức Tr, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Xóm 15, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

3. Anh Ngô Quang S, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Khối 4, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt).

4. Anh Trần Tiến D, sinh năm 2001

Nơi cư trú: Xóm 5, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/4/2019, Cao Văn T đi bộ từ nhà mình đến nhà anh Cao Hữu T1 (sinh năm 1988, trú tại xóm 7, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An) với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến nhà anh T1, T nhìn vào bên trong thấy nhà bếp sáng điện nên T đã trèo qua bờ tường rào. Thấy không có ai để ý, T đi vào gian nhà bếp thấy một chiếc đồng hồ nhãn hiệu Sonne, quai da màu nâu, vỏ đồng hồ bằng kim loại màu vàng, mặt trong màu đen để trên bàn gỗ đặt ở phía Tây cửa chính bếp và một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen để trên ghế gỗ đang sạc pin cạnh bàn. T lấy chiếc đồng hồ và chiếc điện thoại bỏ trong túi quần rồi quay lại theo đường cũ trở về nhà cất giấu trong tủ phòng ngủ. Đến sáng ngày 06/4/2019, T lấy điện thoại trộm được ra xem thì thấy máy bị khóa mật khẩu màn hình, T bấm sáu lần số 5 thì mở được khóa. Đến 13 giờ cùng ngày, T mang điện thoại đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Như Trình thuộc xóm 8, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An cầm lấy tiền.

Khi đi đến cửa hàng, T gặp anh Cao Đức Tr (sinh năm 1999, trú tại xóm 15, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An) là nhân viên cửa hàng để cầm cố với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Anh Tr gọi điện cho chị gái của mình là chị Cao Thị Ng, sinh năm 1992, trú cùng xóm với anh Tr là chủ cửa hàng đưa tiền lên trả cho T. Khoảng 10 phút sau, chị Ng đi đến cửa hàng xem điện thoại và đồng ý cầm cố với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), chị Ng giữ lại 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền lãi và đưa cho T 3.380.000 đồng (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). T cầm tiền rồi đi về nhà.

Đến khoảng 12 giờ ngày 24/4/2019, T nhận tin rủ Trần Tiến D (sinh năm 2001, trú tại xóm 5, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An) với mục đích đi bán đồng hồ T trộm được. T điều khiển xe máy nhãn hiệu Vison, biển kiểm soát 37F2-568.12 đến nhà văn hóa xóm 5, xã DT, huyện D để đón D. Khi đi đến trước cửa hàng xe máy Yamaha, thuộc khối 4, thị trấn D, huyện D thì hết xăng, T nói D đưa đồng hồ đến quán thầy S bán. D cầm đồng hồ đi bộ đến cửa hàng đồng hồ Quang S thuộc khối 4, thị trấn D, huyện D do anh Ngô Quang S, sinh năm 1973 làm chủ bán với giá 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng). D cầm tiền bán đồng hồ quay lại đưa tiền cho T, sau đó cả hai đi về nhà. Số tiền cầm cố điện thoại và bán chiếc đồng hồ, T đã tiêu xài hết.

Đến 10 giờ 00 phút ngày 09/05/2019, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Cao Văn T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện D đầu thú và khai báo hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 14/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản – UBND huyện D kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus giá 9.700.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu Sonne giá 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 12.200.000 đồng.

Về thu giữ và xử lý vật chứng vụ án:

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus Cơ quan điều tra Công an huyện D đã trả lại cho người bị hại là anh Cao Hữu T1.

Đối với chiếc đồng hồ nhãn hiệu Sonne: anh Ngô Quang S đã bán cho người khác, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra Công an huyện D không truy thu được.

Bản cáo trạng số 105/CT-VKSDC ngày 08/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo: Cao Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường, không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì về tội danh, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Cao Văn T khai nhận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/4/2019 tại nhà anh Cao Hữu T1 thuộc xóm 7, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An. Lợi dụng sơ hở của anh T1, Cao Văn T có hành vi bí mật, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus trị giá 9.700.000 đồng và 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Sonne trị giá 2.500.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 12.200.000 đồng.

Bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội nhằm mục đích vì vụ lợi. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Cao Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Tính chất vụ án ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an nơi thôn xóm, hành vi của bị cáo là táo bạo, liều lĩnh, giá trị tài sản chiếm đoạt 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng). Vì vậy cần phải lên một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu trong trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; sau khi phạm tội ra đầu thú. Do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy nghĩ chưa cần thiết phải cách ly xã hội mà áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là đủ nghiêm, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 điều 173 BLHS quy định: *“Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng”*, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Đối với Trần Tiến D là người bán chiếc đồng hồ nhãn hiệu Sonne cho anh Ngô Quang S nhưng D không biết chiếc đồng hồ đó là do T trộm cắp mà có, sau khi bán được đồng hồ D đã đưa tiền cho T và số tiền đó T sử dụng hết nên hành vi của D không phạm tội những cũng cần phải nhắc nhở, giáo dục tại phiên tòa.

[5] Về dân sự: Bị hại anh Cao Hữu T1 đã nhận lại chiếc điện thoại tại cơ quan điều tra, bị cáo đã bồi thường giá trị chiếc đồng hồ cho anh T1. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại vắng mặt nhưng căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự nên miễn xét.

[6] Đối với chị Cao Thị Ng là người mua chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 7 Plus và anh Ngô Quang S là người mua chiếc đồng hồ nhãn hiệu Sonne nhưng do chị Ng và anh S không biết tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội. Gia đình bị cáo và bị cáo đã trả lại cho chị Ng 4.000.000 đồng, anh S 120.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án, không có yêu cầu gì về phần dân sự nên miễn xét.

[7] Về án phí hình sự: Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn T 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Những người TGTT;
- VKS huyện D;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện (NVCS);
- Chi cục THA dân sự;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền